

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Buôn Hồ, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea
Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 và Luật số 47/2019/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2685/UBND ngày 06/10/2022 của UBND thị xã Buôn Hồ về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 47/BCTĐ-QLĐT ngày 16/10/2023 của Phòng Quản lý đô thị thị xã Buôn Hồ về Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ – HĐND, ngày 30/10/2023 của Hội đồng nhân dân xã Ea Drông về việc thông qua nội dung Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035;

Xét đề nghị của UBND xã Ea Drông tại Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 19/12/2023 của UBND xã Ea Drông về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035 và Báo cáo số 63/BC-QLĐT ngày 20/12/2023 của Phòng Quản lý đô thị Về việc hoàn thiện Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035, với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035.

1.2. Chủ đầu tư: UBND xã Ea Drông.

1.3. Đơn vị tư vấn: Phân viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp Miền Trung.

1.4. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

** Vị trí địa lý:* Xã Ea Drông nằm về phía Đông Bắc của thị xã Buôn Hồ, cách trung tâm thị xã Buôn Hồ khoảng 7 km và có tứ cận được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Phú Xuân – huyện Krông Năng;
- Phía Tây giáp xã Ea Blang – thị xã Buôn Hồ;
- Phía Nam giáp xã Ea Siên – thị xã Buôn Hồ;
- Phía Bắc giáp xã Ea Hồ – huyện Krông Năng.

** Quy mô lập quy hoạch:* Quy mô nghiên cứu trên toàn bộ diện tích tự nhiên của xã với diện tích tự nhiên 4.793,14 ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

2.1. Mục tiêu

- Đánh giá hiện trạng đồ án đã thực hiện đến năm 2020, rà soát các dự án, quy hoạch các khu chức năng để có cơ sở lập quy hoạch chung;

- Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung của thị xã, rà soát bổ sung, điều chỉnh các nội dung quy hoạch theo đúng yêu cầu phát triển xã, khắc phục những tồn tại hạn chế trong xây dựng nông thôn mới hiện nay, đặc biệt là các giải pháp nâng cao cảnh quan và môi trường; Rà soát quy hoạch xây dựng nông thôn của xã phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của thị xã Buôn Hồ nói chung và xã Ea Drông nói riêng trong thời kỳ mới;

- Phát triển trung tâm xã trở thành một trong các điểm dân cư có tiềm năng nhất của xã. Tối thiểu 70% số công trình công cộng cơ bản cấp xã được bố trí tại khu trung tâm xã, nhằm tạo không gian kiến trúc cảnh quan và phục vụ tốt Nhân dân trong xã;

- Dành quỹ đất cho dân cư phát triển mới hàng năm tại các điểm dân cư có

tiềm năng phát triển;

- Rà soát, điều chỉnh các khu, điểm dân cư, các công trình công cộng, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của thị xã và tình hình thực tế, khả năng đáp ứng của địa phương, phát triển xây dựng các điểm dân cư có tiềm năng theo điều kiện sống, cảnh quan, môi trường nông thôn;

- Phát triển xây dựng hạ tầng đầu mối ngoài khu dân cư (bao gồm cả hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp) đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất hàng hóa lớn và sinh hoạt người dân; Rà soát, bổ sung phương án sản xuất nông nghiệp hàng hóa, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương nhằm nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư.

- Tổ chức không gian tổng thể trên địa bàn toàn xã, tổ chức phân bố các khu chức năng sản xuất, khu dân cư..., cho phù hợp điều kiện thực tế hiện nay và phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ quy hoạch.

- Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã theo hướng hiện đại và giữ gìn bản sắc địa phương; phù hợp với quy hoạch chung của thị xã, của tỉnh; phát huy tối đa nội lực và sự hỗ trợ bên ngoài, làm cơ sở thực hiện các mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển các điểm dân cư tập trung và hệ thống kết cấu hạ tầng; cho việc hướng dẫn, quản lý đất đai và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã.

- Đối với quỹ đất sản xuất nông nghiệp, bố trí quỹ đất hợp lý cho phát triển các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; cho vùng trồng cây ăn quả tập trung, vùng trồng cây công nghiệp, theo hướng hiện đại;

- Đối với quỹ đất ven suối, đầu nguồn nước, đồi núi, không phù hợp với phát triển nông nghiệp cần chuyển sang quy hoạch lâm nghiệp, trồng rừng nhằm mục đích bảo vệ nguồn nước, cải thiện môi trường sinh thái, tăng độ che phủ rừng;

- Khắc phục kịp thời những bất cập trong đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Ea Drông giai đoạn 2011-2020;

- Củng cố, điều chỉnh phát triển bền vững 19 tiêu chí của xã theo hướng xây dựng xã nông thôn mới nâng cao. Phấn đấu đến năm 2030 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quyết định 1831/QĐ-UBND ngày 15/08/2022 của UBND tỉnh.

2.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo của xã

- Xã Ea Drông là đơn vị hành chính cấp xã của thị xã Buôn Hồ đã hoàn thiện các tiêu chí và đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

- Là một xã thuần nông, ngành nông nghiệp là ngành chiếm tỷ trọng lớn, chủ đạo trong cơ cấu kinh tế của xã trong thời gian tới. Do vậy, định hướng phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã theo hướng hiện đại, sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa có chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao.

3. Dự báo quy mô dân số, lao động, đất đai

3.1. Quy mô dân số, lao động

a. Dân số

- Hiện trạng dân số năm 2021 : 10.574 người.
- Dự báo dân số đến năm 2025 : 11.230 người.
- Dự báo dân số đến năm 2030 : 12.100 người.
- Dự báo dân số đến năm 2035 : 12.880 người.

b. Lao động

- Lao động hiện trạng năm 2021 lao động trong độ tuổi: 5.816 người, chiếm 55,00% tổng dân số.

- Dự báo đến năm 2030 lao động trong độ tuổi: 7.260 người, chiếm 60% tổng dân số.

- Dự báo đến năm 2035 lao động trong độ tuổi: 7.986 người, chiếm 63,5% tổng dân số.

3.2. Quy mô đất đai toàn xã

Đáp ứng quan điểm và mục tiêu phát triển như trên, việc bố trí quy hoạch sử dụng đất là dựa vào lợi thế của địa phương, hiện trạng sử dụng đất và tiềm năng phát triển để xây dựng phương án tối ưu hóa, tạo lợi thế cạnh tranh. Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Buôn Hồ. Kế thừa các quy hoạch đã có trên địa bàn kết hợp với đánh giá thực trạng phân bổ quỹ đất trên địa bàn trong thời gian qua và tình hình sử dụng đất thực tế trên địa bàn.

Trên cơ sở đó tổng hợp, bố trí các loại đất theo phương án như sau:

- Đất nông nghiệp: 4.209,04 chiếm 87,81% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất xây dựng: 544,71 ha chiếm 11,36% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất khác: 39,39 ha chiếm 0,82% tổng diện tích tự nhiên.

Dự báo quy mô đất đai xây dựng toàn xã:

TT	Mục đích sử dụng	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Quy hoạch đến năm 2035	
			Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu
			(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN (1+2+3)		4.793,14	100,00	4.793,14	100,02	4.793,14	100,00
I	Đất nông nghiệp		4.456,27	92,97	4.359,05	90,94	4.209,04	87,81
1	Đất sản xuất nông nghiệp		4.425,86	92,34	4.277,50	89,24	4.127,49	86,11
1.1	Đất trồng lúa		335,17	6,99	330,77	6,90	329,96	6,88
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	627,26	13,09	618,86	12,91	574,10	11,98
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.463,43	72,26	3.327,87	69,43	3.223,43	67,25
2	Đất nuôi trồng thủy sản	NST	30,41	0,63	29,92	0,62	29,92	0,62
3	Đất nông nghiệp khác	NHK			51,63	1,08	51,63	1,08
II	Đất xây dựng		293,84	6,13	393,70	8,23	544,71	11,36

TT	Mục đích sử dụng	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Quy hoạch đến năm 2035	
			Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu
			(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(%)
1	Đất ở nông thôn	ONT	88,18	1,84	116,85	2,44	189,64	3,96
2	Đất công cộng		5,16	0,11	5,44	0,13	5,44	0,11
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan (UBND xã)	TSC	0,28	0,01	0,25	0,01	0,25	0,01
2.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,18	0,00	0,15	0,00	0,15	0,00
2.4	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,02	0,00	0,02	0,02	0,02	0,00
2.5	Đất chợ	DCH			1,00	0,02	1,00	0,02
2.6	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,19		0,15	0,00	0,15	0,00
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,44	0,03	1,47	0,03	1,47	0,03
2.8	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3,04	0,06	2,40	0,05	2,40	0,05
3	Đất cây xanh thể dục thể thao		0,53	0,01	14,52	0,30	14,52	0,30
3.1	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	0,53	0,01	5,51	0,12	5,51	0,12
3.2	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			0,41	0,01	0,41	0,01
3.3	Đất cây xanh cảnh quan				8,59	0,18	8,59	0,18
4	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,29	0,01	0,43	0,01	0,43	0,01
5	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	8,47	0,18	1,04	0,02	1,04	0,02
6	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề				7,91	0,16	7,91	0,16
6.1	Đất khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	SKC			5,91	0,12	5,91	0,12
6.2	Đất khu tiểu thủ công nghiệp (chế biến nông sản)	SKC			2,00	0,04	2,00	0,04
6	Đất xây dựng các chức năng khác				4,32	0,09	4,32	0,09
6.1	Khu thu mua nông sản thôn 6	TMD			0,10	0,00	0,10	0,00
6.2	Khu TMD (buôn Sing B)	TMD			3,46	0,07	3,46	0,07

TT	Mục đích sử dụng	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Quy hoạch đến năm 2035	
			Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu
			(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(%)
6.3	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu (Buôn Sing A)	TMD			0,09	0,00	0,09	0,00
	Khu TMD (buôn Klat C)				0,48	0,01	0,48	0,01
6.4	TMD Buôn H'Nê (Tiểu học Trần Quốc Toản)	TMD			0,18	0,00	0,18	0,00
7	Đất hạ tầng kỹ thuật		128,02	2,67	178,53	3,72	252,82	5,27
7.1	Đất giao thông	DGT	114,87	2,40	158,78	3,31	233,07	4,86
	Giao thông tĩnh				0,17	0,00	0,17	0,00
	Giao thông động				158,61	3,31	232,90	4,86
7.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	9,08	0,19				
8.3	Đất xử lý chất thải rắn	DRA	3,91	0,08	19,59	0,41	19,59	0,41
7.3	Đất hạ tầng kỹ thuật khác		0,16		0,15	0,00	0,15	0,00
	Trạm cấp nước		0,16		0,15	0,00	0,15	0,00
8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất (Đất thủy lợi)	DTL	63,00	1,31	64,51	1,35	68,44	1,43
9	Đất an ninh quốc phòng		0,19		0,17	0,00	0,17	0,00
III	Đất khác		43,03	0,90	40,39	0,84	39,39	0,82
1	Đất sông, suối và mặt nước chuyên dùng		43,03	0,90	40,39	0,84	39,39	0,82

4. Cơ cấu tổ chức không gian toàn xã

4.1. Tổ chức không gian khu trung tâm

- Nằm trên trục đường tỉnh DT 699D đi xã Phú Xuân huyện Krông Năng thuộc địa bàn Buôn Trấp, Buôn Pheo và Buôn Tung Krăk; Phát triển mở rộng cải tạo kiến trúc cảnh quan, môi trường; Khuyến khích phát triển hình thức ở kết hợp thương mại dịch vụ thương mại; Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật với các khu chức năng khác trong khu trung tâm.

+ Khu hành chính xã: Gồm trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Công an, các đoàn thể;

+ Khu các công trình công cộng cấp xã bố trí tập trung: Nhà văn hóa xã, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế xã, thương mại dịch vụ, điểm phục vụ bưu chính viễn thông; công viên cây xanh thể dục thể thao.

- Khu công viên cây xanh, thể dục thể thao, hạ tầng kỹ thuật.

- Thương mại dịch vụ, cửa hàng dịch vụ trung tâm.

- Tính chất: Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá, y tế, giáo

dục của xã Ea Drông; là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, văn hóa của toàn xã;

Không gian kiến trúc khu trung tâm xã theo dạng tuyến dọc theo trục không gian chủ đạo là trục đường tỉnh DT 699D và đường liên xã đi Ea Drông, với các công trình giáo dục, hành chính, y tế,... khu công viên cây xanh tạo điểm nhấn. Quy mô dân số dự kiến khoảng 2.000 người (500 hộ); Quy mô khu trung tâm xã khoảng từ 30,0 ha được phê duyệt.

4.2. Tổ chức không gian các khu dân cư xã

Trên địa bàn xã hiện nay gồm có 19 thôn, buôn phân bố theo dạng tuyến bám dọc theo trục đường liên xã đi xã Ea Hồ và Phú Xuân huyện Krông Năng và các trục giao thông thôn, buôn. Cải tạo, chỉnh trang 10 khu dân cư hiện hữu, bố trí xen ghép, khép kín đất ở trong khu dân cư.

- Phát triển mở rộng cải tạo kiến trúc cảnh quan, môi trường; Khuyến khích phát triển hình thức ở kết hợp thương mại dịch vụ; Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật với các khu chức năng khác trong khu trung tâm.

+ Công trình công cộng trung tâm thôn: Là khu vực bố trí hội trường, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn buôn; nhà mẫu giáo thôn, cây xanh thể dục sân thể thao thôn.

+ Các khu ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang và các khu ở mới phù hợp theo tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành. Quy định đất ở mới tại khu dân cư tập trung với mục tiêu cấp đất ở hoặc ở kết hợp thương mại tiêu chuẩn ≥ 25 m²/người; ≤ 50 m²/người (TCVN:4454).

- Tính chất: Là các khu dân cư nông thôn ở kết hợp với sản xuất nông nghiệp.

- Hướng phát triển: đầu tư xây dựng nâng cấp cơ sở hạ tầng (*Nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng buôn, đường giao thông, đường cấp nước, điện chiếu sáng*).

+ Khu dân cư cải tạo chỉnh trang Buôn A Lê Gõ: Phân bố tập trung theo trục đường liên xã đi xã Ea Hồ và Phú Xuân huyện Krông Năng, đến năm 2035 khu dân cư Buôn A Lê Gõ có 255 hộ với 1.020 nhân khẩu, quy mô khoảng 15 ha.

+ Khu dân cư cải tạo chỉnh trang Buôn Klat: Phân bố 2 bên đường liên xã đi xã Ea Hồ huyện Krông Năng, đến năm 2035 khu dân cư Buôn Klat có 267 hộ với 1.068 nhân khẩu, quy mô khoảng 15 ha.

+ Khu dân cư cải tạo chỉnh trang Buôn H'Nê: Phân bố 2 bên đường trục liên xã thuộc khu trung tâm xã, đến năm 2035 KDC Buôn H'Nê có 333 hộ với 1.332 nhân khẩu, quy mô khoảng 19 ha.

+ Khu dân cư cải tạo chỉnh trang Buôn Tung Krăk (*phân bố dọc hai đường trục thôn, kết nối với đường liên xã*), đến năm 2035 khu dân cư Buôn Tung Krăk có 312 hộ với 1.250 nhân khẩu, quy mô khoảng 18 ha.

+ Khu dân cư cải tạo chỉnh trang Buôn Sing: (*phân bố dọc hai bên đường trục liên xã đi xã Phú Xuân huyện Krông Năng*), đến năm 2035 KDC Buôn Sing

có 281 hộ với 1.124 nhân khẩu, quy mô khoảng 16 ha.

+ Khu dân cư cải tạo chỉnh trang Buôn Kmiên: *(phân bố dọc hai bên đường trục liên xã đi xã Phú Xuân huyện Krông Năng và trục liên thôn)*, đến năm 2035 KDC Buôn Kmiên có 221 hộ với 885 nhân khẩu, quy mô khoảng 13 ha.

+ Khu dân cư cải tạo chỉnh trang Buôn Ea Kjoh: *(phân bố dọc hai bên đường trục liên xã đi xã Phú Xuân huyện Krông Năng và các trục liên thôn)*, đến năm 2035 KDC Buôn Ea Kjoh có 258 hộ với 1031 nhân khẩu, quy mô khoảng 15 ha.

+ Khu dân cư cải tạo chỉnh trang Thôn 6: *(phân bố dọc hai bên đường trục liên xã đi xã Ea Blang và các trục liên thôn)*, đến năm 2035 KDC Thôn 6 có 269 hộ với 1.075 nhân khẩu, quy mô khoảng 16 ha.

+ Khu dân cư cải tạo chỉnh trang Thôn 7: *(phân bố dọc hai bên đường trục liên xã đi xã Phú Xuân huyện Krông Năng và các trục liên thôn)*, đến năm 2035 KDC Thôn 7 có 199 hộ với 796 nhân khẩu, quy mô khoảng 12 ha.

+ Khu dân cư cải tạo chỉnh trang Thôn 8: *(phân bố dọc hai bên đường trục liên thôn đi Ea Siên)*, đến năm 2035 KDC Thôn 8 có 325 hộ với 1.300 nhân khẩu, quy mô khoảng 19ha.

+ Khu dân cư trung tâm (gồm Buôn Klat B, Buôn A LêGõ, Buôn H'nê): *(phân bố dọc hai bên đường trục đường liên xã đi xã Ea Hồ và Phú Xuân huyện Krông Năng)*, đến năm 2035 KDC khu trung tâm có 501 hộ với 2.004 nhân khẩu, quy mô khoảng 30 ha.

** Hình thức tổ chức không gian các khu dân cư:*

Các khu dân cư nông thôn xã Ea Drông dự kiến bao gồm dân cư hiện hữu và dân cư phát triển mới nằm liền kề với khu dân cư hiện hữu.

Khu dân cư hiện hữu phân bố chủ yếu theo các tuyến liên xã, liên thôn buôn. Trong tương lai, vẫn sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, đảm bảo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Đề xuất các mô hình nhà ở nông thôn phù hợp và các nhóm nhà ở nông thôn kết hợp với khu sản xuất thuận tiện, phù hợp với điều kiện tự nhiên đặc thù trên địa bàn xã.

Đề xuất các mô hình nhà vườn trong các khu dân cư xây dựng.

Các khu dân cư xây dựng mới được bố trí xen cài với khu dân cư hiện hữu. Hình thức không gian nhà ở dạng nhà vườn, diện tích mỗi hộ khoảng 400 m² được bố trí các chức năng ở phù hợp. Nhà ở kết hợp sản xuất có quy mô 1000 m² (kết hợp đất ở và sản xuất nông nghiệp). Nhà liền kề, thương mại dịch vụ quy mô mỗi lô $\geq 120\text{m}^2$.

4.3. Các công trình thương mại dịch vụ

Tại các điểm dân cư cần bố trí quỹ đất thương mại dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân sinh sống tại khu vực và phát triển kinh tế trên địa bàn xã, đến năm 2035.

Phía Đông Nam xã quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn phân bố dọc gần tuyến đường liên xã đi xã Phú Xuân huyện Ea Kar.

Kêu gọi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư phát triển dịch vụ thương mại trên địa bàn xã tại Buôn H'Nê (Tiểu học Trần Quốc Toản) với quy mô 0,18 ha, khu thương mại dịch vụ tại Buôn Sing với quy mô 3,46 ha và khu thương mại dịch vụ tại trung tâm xã thuộc Buôn Klat với quy mô 0,48 ha.

4.4. Các công trình công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

Định hướng đến năm 2035 quy mô đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong đó:

- Phía Đông Nam xã thuộc Buôn Kmiên quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn phân bố gần trục đường trên tuyến đường liên xã đi xã Phú Xuân huyện Krông Năng với quy mô 5,91 ha và khu chế biến nông sản tại thôn 7 hỗ trợ cho các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp quy mô 2,00 ha

4.5. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp

Hình thành trên cơ sở các vùng sản xuất nông nghiệp sẵn có của địa phương. Duy trì các vùng sản xuất nông nghiệp truyền thống, hạn chế việc chuyển đổi mục đích đất sản xuất nông nghiệp, nhất là đất trồng cây lâu năm; khu vực sản xuất được bố trí tập trung xung quanh khu dân cư và được liên kết đến nơi ở bằng các tuyến giao thông nội đồng chính nối với các tuyến giao thông khu vực, trong đó có hình thành những vùng trọng điểm như sau:

* *Đất trồng lúa*: Diện tích đất trồng lúa đến năm 2035 là 330,44 ha, được trồng chủ yếu là các giống lúa thơm có chất lượng cao phân bố rải rác trên địa bàn xã. Ngoài ra còn phát triển tập trung sản xuất lúa 2 vụ tại các khu vực như sau:

- Vùng trồng lúa thôn 5, 6 diện tích khoảng 39,0 ha.
- Vùng trồng lúa Buôn Klat, diện tích khoảng 26,50 ha.
- Vùng trồng lúa Buôn Tung Krăk và Buôn Ea Kjoh, diện tích khoảng 83,95 ha.

* *Đất trồng trọt khác*: gồm cây lâu năm, hàng năm (*cà phê, tiêu, sầu riêng, hoa màu...*). Diện tích đất trồng trọt khác đến năm 2035 là 3.797,53 ha. Định hướng phát triển các vùng trồng tập trung như sau:

- Phát triển vùng trồng cây hoa màu tại khu vực thôn 8 (giáp xã Ea Siên và xã Cư Huê huyện Ea Kar) , diện tích khoảng 180,0 ha.
- Phát triển vùng trồng Cà phê xen cây Sầu riêng tại khu vực Buôn Klat (giáp xã Phú Xuân và xã Ea Hồ huyện Krông Năng), diện tích khoảng 455,0 ha.
- Phát triển vùng trồng Cà phê xen cây Hồ tiêu tại khu vực phía Tây Nam xã (giáp xã Ea Blang), diện tích khoảng 200,0 ha.
- Phát triển vùng trồng Cà phê xen cây Mắc ca tại khu vực phía Tây Nam xã (giáp xã Ea Blang), diện tích khoảng 200,0 ha.

* *Nuôi trồng thủy hải sản:* Đẩy mạnh phát triển trồng thủy sản trên 29,92 ha mặt nước của các ao hồ thủy lợi và diện tích ao hồ xen kẽ trong khu dân cư (chủ yếu tập trung nuôi các loại cá nước ngọt như: trắm, trôi, chép, mè, diêu hồng...), phát triển nuôi thêm một số loại thủy sản mới như: ếch, baba, lươn... trên diện tích ao hồ của các hộ gia đình để nâng cao thu nhập. Tạo điều kiện thuận lợi để các hộ gia đình, các tổ chức tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi cho phát triển nuôi trồng thủy sản.

* *Đất nông nghiệp khác:* Diện tích đất nông nghiệp khác đến năm 2035 là 51,63 ha. Trong đó chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp công nghệ cao quy mô 45,80 ha và đất trang trại với quy mô 5,83 ha.

4.6. Định hướng tổ chức các khu vực chức năng đặc thù khác trên địa bàn xã

- Quy hoạch Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, cơ sở chế biến với tổng quy mô 7,91 ha thuộc Buôn Kmiên và thôn 7, kết nối với trục đường tỉnh 699D theo quy hoạch chung thị xã. Thuận tiện trong quá trình giao thương hàng hóa.

- Tại thôn 6 có 1 điểm cơ sở thu mua nông sản quy mô 0,10 ha.

5. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ cấp xã

5.1. Các công trình công cộng xã

* *Công trình trụ sở:* Trụ sở Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân xã và các cơ quan trực thuộc, trụ sở Đảng ủy xã và các đoàn thể quần chúng đã xây dựng hoàn thiện, diện tích tối thiểu 1.869,0 m².

* *Công trình y tế:* hiện trạng 1.528,32m², theo quy hoạch trung tâm xã diện tích đến năm 2035 đảm bảo quỹ đất sử dụng.

* *Công trình văn hóa:* khu trung tâm xã đã có nhà văn hóa đạt chuẩn. Toàn xã hiện nay có 18/19 thôn buôn có nhà văn hóa, định hướng đến năm 2035 sẽ sáp nhập các thôn, buôn nên các thôn buôn đều có nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng.

* *Công trình giáo dục:*

Hiện nay hệ thống đất giáo dục đã đảm bảo nhu cầu thiết yếu tại địa phương và định hướng chuyển một số điểm giáo dục tại các thôn sang mục đích đất công cộng, nhưng vẫn đảm bảo công tác giảng dạy và bán kính phục vụ trên địa bàn xã.

* *Công trình bưu điện:* Hiện trạng bưu điện xã 166,07 m². Đảm bảo nhu cầu sử dụng, đến năm 2035 cải tạo nâng cấp đảm bảo nhu cầu phát triển. Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia và quốc tế.

* *Công trình chợ:* Vị trí quy hoạch chợ đầu mối nằm cạnh khu hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn thuận lợi cho việc trao đổi, mua bán hàng hóa của Nhân dân.

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Diện tích (ha)
1	Công trình công cộng xã	14163,1	1,42

1.1	UBND xã Ea Drông	1869	0,19
1.2	Đất y tế xã Ea Drông	1528,32	0,15
1.3	Đất bưu điện Ea Drông	166,07	0,02
1.4	Đất trụ sở TT xã	599,71	0,06
1.5	Chợ đầu mối xã (Buôn KMiên)	10000	1,00
2	Đất sinh hoạt cộng đồng	16269,02	1,63
2.1	Nhà SHCĐ Buôn Trấp	731,52	0,07
2.2	Nhà SHCĐ Buôn Klat A	253,2	0,03
2.3	Nhà SHCĐ Buôn Klat B	327,49	0,03
2.4	Nhà SHCĐ Buôn Klat C	304	0,03
2.5	Nhà SHCĐ Buôn ALê Gõ	348,18	0,03
2.6	Nhà SHCĐ Buôn H'Nê	300,00	0,03
2.7	Nhà SHCĐ Buôn Pheo	315,23	0,03
2.8	Nhà SHCĐ Buôn Tung Krăk	300	0,03
2.9	Nhà SHCĐ Buôn Dhu	300	0,03
2.10	Nhà SHCĐ Buôn Sing A	300	0,03
2.11	Nhà SHCĐ Buôn Sing B	300	0,03
2.12	Nhà SHCĐ Buôn Kmiên	300	0,03
2.13	Nhà SHCĐ Buôn Ea Kjoh A	455,68	0,05
2.14	Nhà SHCĐ Buôn Ea Kjoh B	300	0,03
2.15	Nhà SHCĐ thôn Ea Kung	3430,59	0,34
2.16	Nhà SHCĐ thôn 5	976,58	0,10
2.17	Nhà SHCĐ thôn 6	882,9	0,09
2.18	Nhà SHCĐ thôn 7	1087,88	0,11
2.19	Nhà SHCĐ thôn 8	2629,38	0,26
2.20	Nhà SHCĐ thôn 9	903,01	0,09
2.21	Nhà văn hóa xã Ea Drông	1523,38	0,15
3	Đất giáo dục	23983,3	2,40
3.1	TrườngTHCS Tô Vĩnh Diện	8565	0,86
3.2	TrườngTH Trần Quốc Toản (Klat C)	5049,45	0,50
3.3	TrườngTH Nơ Trang Long (Buôn Sing A)	4676,59	0,47
3.4	Trường mẫu giáo Hoa Cau (Buôn Sing A)	2101,05	0,21
3.5	Trường mẫu giáo Hoa Cau (thôn 8)	957,73	0,10
3.6	Trường mẫu giáo Hoa Tăng Bi	2059,93	0,21
3.7	Khu tập thể giáo viên	573,55	0,06
Tổng cộng		54415,42	5,44

5.2. Các công trình thương mại

Kêu gọi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư phát triển dịch vụ thương mại trên địa bàn xã tại Buôn H'Ně (Tiểu học Trần Quốc Toàn) với quy mô 0,18 ha, khu thương mại dịch vụ tại Buôn Sing với quy mô 3,46 ha và khu thương mại dịch vụ tại trung tâm xã thuộc Buôn Klat với quy mô 0,48 ha.

5.3. Các công trình cây xanh thể dục thể thao

Hiện tại toàn xã có 1 khu cây xanh thể dục thể thao phân bố tại khu trung tâm. Định hướng đến năm 2035 các thôn buôn trên địa bàn xã đều bố trí quỹ đất cây xanh thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân với quy mô 14,52 ha (36,75m²/người)

5.4. Đất tôn giáo

Hiện trạng trên địa bàn xã có chùa Tường Vân tại thôn 5 với quy mô 0,31 ha và bố trí mới điểm tôn giáo tại Buôn Klat với diện tích 0,12 ha.

5.5. Đất hạ tầng phục vụ sản xuất (Thủy lợi)

Xã Ea Drông có 10 công trình thủy lợi lớn, thường xuyên được kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng, đảm bảo phát huy trên 93,5% năng lực thiết kế tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp và kết hợp với các hệ thống suối, hồ ao, giếng do người dân tự xây dựng cơ bản đã đảm bảo nguồn nước tưới cho cây trồng trên địa bàn xã. Tổng quy mô 68,44 ha.

5.6. Các công trình an ninh quốc phòng

Quy hoạch mới trụ sở Trụ sở công an xã Ea Drông (đất phân hiệu trường Trần Quốc Toàn Buôn H'Ně) quy mô 0,17 ha, đến năm 2035 quy mô đất an ninh quốc phòng là 0,17 ha.

5.7. Định hướng tổ chức các khu vực chức năng đặc thù khác trên địa bàn xã

Về sản xuất tiểu thủ công nghiệp chủ yếu phát triển ở các hộ gia đình, sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ; ngành nghề chủ yếu như: chế biến nông lâm sản, chạm khắc, mộc dân dụng, may mặc, khung nhôm cửa kính,..., sản xuất cơ khí, rèn phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sửa chữa các loại máy nông nghiệp.

Bên cạnh khuyến khích các loại hình tiểu thủ công nghiệp phát triển cần tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực bằng việc cử lao động đi đào tạo tại các trung tâm dạy nghề của tỉnh và của thị xã; phối hợp với các cơ quan chức năng mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn tại trung tâm học tập cộng đồng của xã để đào tạo lao động của địa phương và các xã lân cận.

- Quy hoạch Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, cơ sở chế biến với tổng quy mô 7,91 ha thuộc Buôn Kmiên và thôn 7, kết nối với trục đường tỉnh 699D theo quy hoạch chung thị xã. Thuận tiện trong quá trình giao thương hàng hóa.

Tại thôn 6 có 1 điểm cơ sở thu mua nông sản quy mô 0,10 ha.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã

6.1. Quy hoạch hệ thống giao thông

- Quy chuẩn theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng

- Đáp ứng các thông số kỹ thuật về đường giao thông tại TCVN 4054:2005 Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế, Quyết định 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, Quyết định 2446/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 Về việc phê duyệt thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và dự toán Công trình: Đường trục thôn, buôn; đường liên thôn, buôn; Đường ngõ, xóm; Đường trục chính nội đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025 và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao được UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành tại Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 15/8/2022.

* Hệ thống quy hoạch các tuyến đường giao thông cụ thể:

a. Giao thông đối ngoại

- Tuyến đường tỉnh 699D (đường Nơ Trang Long) theo định hướng quy hoạch chung thị xã mặt cắt 2-2, lộ giới 27m. Tổng chiều dài qua địa bàn xã 2,24km. Cấp thiết kế tối thiểu cấp IV, V, 2-4 làn xe, mặt đường bằng BTN, BTXM hoặc láng nhựa 100%. Cầu cống thiết kế vĩnh cửu theo Tiêu chuẩn thiết kế. Nền đường 15,0m, hành lang an toàn mỗi bên 6,0m.

- Tuyến đường liên xã Ea Siên - Ea Drông - Phú Xuân; Ea Blang – cây xăng Ama Linh; Đường giao thông Thôn 6 (Từ công văn hóa Thôn 6 tới ranh giới xã Ea Blang) mặt cắt 2-2, lộ giới 22,5m, lòng đường 7,5m hành lang bảo vệ 2 bên mỗi bên rộng 7,5m. Theo quy hoạch chung thị xã.

b. Giao thông đối nội

- Tuyến đường liên thôn mặt cắt 3-3. Cấp thiết kế tối thiểu cấp B, 1 làn xe, mặt đường bằng BTN, BTXM hoặc láng nhựa 100%.

* Định hướng quy hoạch các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của trục chính liên thôn, buôn trên địa bàn xã Ea Drông như sau:

+ Bề rộng chỉ giới quy hoạch (quy hoạch lộ giới): $B = 16 \text{ m}$.

+ Chỉ giới xây dựng: đối với các công trình công cộng chỉ giới xây dựng lùi vào 5m so với chỉ giới đường đỏ, đối với các công trình còn lại chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

+ Bề rộng nền đường: $B_m = 6,5 \text{ m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,5 \text{ m}$.

+ Bề rộng lề 2 bên: $B_{le} = 1,5 \text{ m} \times 2 \text{ bên}$.

+ Mặt đường 2 mái: $i = 2 \%$.

+ Hành lang an toàn giao mỗi bên: 4,75 m.

- Tuyến đường nội thôn xóm, mặt cắt 4-4. Cấp thiết kế tối thiểu cấp D, 1 làn xe, mặt đường bằng BTN, BTXM hoặc láng nhựa 100%.

* Định hướng quy hoạch các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đường nội thôn xóm trên địa bàn xã Ea Drông như sau:

+ Bề rộng chỉ giới quy hoạch (quy hoạch lộ giới): $B=12$ m.

+ Chỉ giới xây dựng: đối với các công trình công cộng chỉ giới xây dựng lùi vào 5m so với chỉ giới đường đỏ, đối với các công trình còn lại chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

+ Bề rộng nền đường: $B_m= 5,0$ m;

+ Bề rộng mặt đường: $B_m= 3,5$ m.

+ Bề rộng lề 2 bên: $Bl= 0,75$ m*2 bên.

+ Mặt đường 2 mái: $i = 2$ %.

+ Hành lang an toàn giao mỗi bên: 3,5 m.

- Đường nội đồng mặt cắt 5 - 5. Cấp thiết kế tối thiểu cấp C, 2 làn xe, mặt đường bằng BTXM.

* Định hướng quy hoạch các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đường nội đồng trên địa bàn xã Ea Drông như sau:

+ Bề rộng chỉ giới quy hoạch (quy hoạch lộ giới): $B=8$ m.

+ Chỉ giới xây dựng: Đối với các công trình công cộng chỉ giới xây dựng lùi vào 5m so với chỉ giới đường đỏ, đối với các công trình còn lại chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

+ Bề rộng nền đường: $B_m= 6,0$ m;

+ Bề rộng mặt đường: $B_m= 5,0$ m.

+ Bề rộng lề 2 bên: $Bl= 0,5$ m*2 bên.

+ Mặt đường 2 mái: $i = 2$ %.

+ Hành lang an toàn giao mỗi bên: 1,5 m.

6.2. Cấp nước

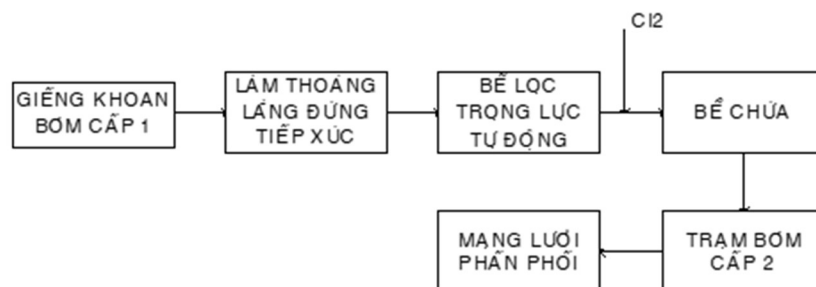
- Sử dụng nguồn nước sạch từ thị xã Buôn Hồ và nguồn nước ngầm từ trạm xử lý đặt tại Buôn Klat..

- Định hướng cấp nước

Đầu nối hệ thống đường D160 vào hệ thống cấp nước chung của thị xã với chiều dài khoảng 3km về trạm cấp nước tại Buôn Klat.

Trạm cấp nước tại Buôn Klat:

+ Dây chuyền công nghệ xử lý nước ngầm đề xuất



Nước giếng khoan bơm lên qua hệ thống xử lý nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép trước khi đưa vào sử dụng.

- + Xây dựng mạng lưới đường ống chính khu vực có đường kính từ D110.
- + Đường ống nối với các hộ tiêu thụ có đường kính $D \leq 65\text{mm}$.
- + Mạng lưới đường ống được thiết kế mạng vòng kết hợp với mạng nhánh sao cho hiệu quả kinh tế kỹ thuật nhất.
- + Quy hoạch mạng lưới đường ống cấp nước theo quy hoạch giao thông và sử dụng đất đến năm 2035 và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của xã để dự kiến điểm đầu, đường kính, chiều dài các tuyến ống truyền dẫn, phân phối.

6.3. Cấp nước chữa cháy

Thiết kế đủ lượng nước dự phòng cho 02 đám cháy xảy ra cùng một thời điểm, với lưu lượng mỗi đám cháy cần cung cấp 20 l/s và áp lực đảm bảo tối thiểu tại trụ cứu hỏa bất lợi luôn $\geq 10\text{m}$, trong điều kiện liên tục trong 3 giờ. Ngoài nguồn nước cấp từ thị xã và trạm xử lý tại buôn Buôn Klat, tận dụng nguồn nước mặt tại các khu vực lân cận sử dụng trong các trường hợp xảy ra đám cháy.

6.4. Cấp điện

Nguồn điện: Xã Ea Drông hiện đang được cấp điện từ trạm 110/22kV thị xã Buôn Hồ, có tuyến đường dây truyền tải điện 22kv đi qua địa bàn xã.

- Lưới điện 22kV: đối với tuyến hiện hữu cần nâng cấp lại đường dây. Tuyến 22kV mới có kết cấu mạch vòng kín, vận hành hở. Giai đoạn đầu có thể đi nổi trên trụ bê tông ly tâm cao từ 18 đến 20m, dùng cáp nhôm hoặc nhôm lõi thép, trong tương lai chuyển thành cáp ngầm.

- Tuyến trục chính: Sử dụng dây nhôm bọc trung áp XLPE-A240, cột bê tông ly tâm cao 16m hoặc cột sắt có độ cao tương đương để dự phòng đi mạch kép. Ngoài ra khi cải tạo phải điều chỉnh tuyến đi trên vỉa hè đường quy hoạch.

- Các nhánh rẽ: Sử dụng dây nhôm bọc trung áp XLPE-A95, cột bê tông ly tâm cao 14m hoặc cột sắt có độ cao tương đương.

- Lưới điện 0,4kV: Đối với các tuyến 0,4 kV hiện có cần cải tạo lại để đảm bảo chất lượng điện năng. Mạng lưới 0,4 kV xây dựng mới, giai đoạn đầu có thể bố trí đi nổi trên trụ bê tông ly tâm cao 8,5m dùng cáp vặn xoắn hoặc cáp bọc nhựa, trong tương lai chuyển thành cáp ngầm.

- Lưới chiếu sáng: Chỉ tiêu chiếu sáng đường đảm bảo độ chói của mỗi loại đường. Sử dụng các loại đèn led tiết kiệm năng lượng, phù hợp với kiến trúc không gian của xã, đảm bảo độ sáng theo tiêu chuẩn.

Hiện tại trên địa bàn xã có 16 trạm biến áp với tổng quy mô 2245 KVA. Đến năm 2035 đầu tư thêm công suất 3144 KVA trong đó bố trí 2 trạm chuyên dùng cho khu tiểu thủ công nghiệp với tổng công suất 900 KVA, đầu tư thêm 2244 KVA cho các trạm công cộng.

6.5. Thoát nước mặt

- Hệ thống thoát nước mặt được xây dựng hoàn chỉnh đảm bảo thoát nước mặt trên toàn xã, được thiết kế bám theo các trục đường giao thông và hoạt động theo chế độ tự chảy dựa vào độ dốc địa hình.

- Chọn mương thoát nước hình thang 800x1200 xây dựng bám dọc theo hệ thống giao thông thị xã, liên xã. Khu vực trung tâm xã, trung tâm thôn, các trục đường chính xây dựng mương thoát nước hình thang 400x600; 600x800; có nắp đan, khu vực đi qua khu vực sản xuất bố trí mương hở, mương rãnh xây đá hộc khu vực các trục đường phụ ven ngoại vi.

6.6. Thoát nước thải

Giai đoạn đến năm 2025:

+ Hệ thống nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình được xử lý qua hệ thống bể tự hoại cục bộ là hạng mục xử lý nước thải tại chỗ, phải được cơ quan chuyên môn hướng dẫn xây dựng đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chức năng xử lý nước sinh hoạt theo qui định trước khi thải ra bên ngoài.

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu công cộng phải xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Nước thải phát sinh tại các cụm TTCN, thương mại dịch vụ sẽ được xử lý đạt yêu cầu về chất lượng nước thải theo quy định thì được phép thải ra nguồn tiếp nhận. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Đối với các hộ gia đình có tổ chức chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas. Khuyến khích các hộ chăn nuôi dùng bể Biogas để tạo khí đốt dùng phục vụ sinh hoạt cũng như làm sạch vệ sinh môi trường chuồng trại. Chất thải sau bể Biogas được sử dụng trong trồng trọt.

Giai đoạn đến năm 2035: Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung với công suất 1.750 m³. *(Vị trí cụ thể của trạm xử lý nước thải sinh hoạt sẽ được xác định cụ thể khi thực hiện qua trình rà soát triển khai dự án đầu tư).*

6.7. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công cộng, chất thải rắn thông thường của khu tiểu thủ công nghiệp và trung tâm y tế sẽ được thu gom và xử lý tại khu xử lý chất thải rắn trên toàn thị xã đặt tại Buôn Trấp.

+ Trên địa bàn xã có 1 bãi rác của thị xã quy mô 3,91 ha tại Buôn Trấp. Phục vụ nhu cầu của thị xã đến năm 2035 quy hoạch mở rộng với tổng quy mô 19,54 ha. Quy hoạch mới bãi trung chuyển chất thải rắn tại thôn 7 với quy mô 0,05 ha.

- Hiện trạng trên địa bàn xã có 7 nghĩa trang hiện hữu. Định hướng giai đoạn 2021 - 2030 không mở rộng thêm quỹ đất, sử dụng hết quỹ đất nghĩa trang hiện trạng thì tiến hành đóng cửa trồng cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan đảm bảo an toàn môi trường.

Nghĩa trang thị xã thuộc xã Ea Blang, cách trung tâm xã Ea Drông khoảng 3km. Định hướng giai đoạn 2031 trở đi sau khi nghĩa trang thị xã đi vào hoạt

động sẽ chuyển dần hoạt động mai táng của xã qua nghĩa trang thị xã. Khuyến khích, vận động theo hình thức hỏa táng khi khu vực hỏa táng tại nghĩa trang thị xã được hình thành.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.

7.1. Giai đoạn đến năm 2022 -2030:

- Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn buôn; Thông tin và truyền thông cơ sở;
- Đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất công trình giáo dục;
- Đầu tư xây dựng, khu cây xanh, sân TDTT tại các thôn, buôn; Nâng cấp hệ thống trường học đạt chuẩn, cải tạo những hạng mục đã xuống cấp.
- Xây dựng hoàn thiện các tuyến đường giao thông toàn xã và các hạ tầng thiết yếu khác, nhất là khu vực trung tâm xã và các điểm dân cư nông thôn trung tâm đã được phê duyệt;
- Đầu tư xây dựng các dự án công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung... Đào tạo nghề nông nghiệp
- Xây dựng chợ đầu mối tại khu vực Buôn KMiên
- Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã;
- Đến năm 2025 đầu tư hoàn thiện 4,4 km đường liên xã; 26,2 km đường liên thôn, 6,0 km đường nội đồng; đảm bảo các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.
- Xây dựng sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn; thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã;
- Xây dựng mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

7.2. Giai đoạn đến năm 2035:

- Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các: Trụ sở, nhà văn hóa, sân tập TDTT, cho từng thôn buôn. Bảo dưỡng duy trì các công trình theo định kỳ
- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp nước...), thủy lợi và các công trình hạ tầng đi kèm theo định hướng của đồ án quy hoạch.
- Xây dựng các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, kết hợp phát triển các công trình thương mại – dịch vụ, phát triển khu sản xuất tiêu thủ công nghiệp.
- Tiếp tục đầu tư xây dựng các khu tiêu thủ công nghiệp, các dự án công nghệ cao, khu thương mại dịch vụ, khu nghỉ dưỡng người có công; xây dựng cải tạo bãi rác.

7.3. Nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn từ ngân sách của Nhà nước, vốn ngành, kết hợp nguồn vốn vay tín dụng, vốn đóng góp của Nhân dân, vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, cá nhân và người dân địa phương đi hoạt động, công tác, làm ăn xa, cả trong và ngoài nước để xây dựng nông thôn mới.

8. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch

Sau khi Đồ án được phê duyệt UBND xã Ea Drông tổ chức lập quy chế quản lý, trình duyệt và quản lý đúng theo Đồ án quy hoạch được phê duyệt.

9. Tiến độ và các giải pháp tổ chức thực hiện điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã

- Thời gian thực hiện điều chỉnh Quy hoạch chung xã đến năm 2035 và được chia thành 3 thời kỳ: 2021-2025; 2026-2030; 2031-2035.

- Giải pháp thực hiện: Sau khi điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035 được phê duyệt, UBND xã Ea Drông tổ chức công bố và phổ biến phương án quy hoạch cho tất cả cán bộ, Nhân dân trong xã và các nhà đầu tư.

+ Tăng cường sự phối hợp giữa UBND thị xã, các phòng ban của thị xã và các sở, ban ngành của tỉnh có liên quan với UBND xã Ea Drông để phối hợp trong chỉ đạo, điều hành thực thi quy hoạch.

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2035. Triển khai quy hoạch qua các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Kế hoạch hàng năm phải bám vào các mục tiêu quy hoạch đã đạt được và tiến độ phải thực hiện trong từng thời kỳ; Hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Tổ chức quản lý xây dựng theo đúng quy hoạch. Vận động, tuyên truyền Nhân dân biết và hưởng ứng thực hiện quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh văn hóa để đạt các tiêu chí xã Nông thôn mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND xã Ea Drông

- Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này; hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch cho các chủ đầu tư xây dựng biết, thực hiện;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, UBND xã Ea Drông công bố rộng rãi quy hoạch xây dựng để tổ chức, cá nhân biết kiểm tra và thực hiện;

- Tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới các tuyến giao thông ngoài thực địa theo quy hoạch xây dựng được duyệt, để làm cơ sở cho việc quản lý đất đai, xây dựng công trình theo quy hoạch.

2. Phòng Quản lý đô thị thị xã

- Hướng dẫn UBND xã Ea Drông quản lý đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035 dựa

trên Quy chế ban hành kèm theo quyết định này, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành;

- Hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch cho các chủ đầu tư xây dựng có yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác thực hiện quy hoạch, kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng theo nội dung quy hoạch xây dựng được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Kinh tế, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch UBND xã Ea Drông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký; Quyết định này thay thế Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND thị xã Buôn Hồ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020./. *ngd*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Thị ủy, TT HĐND thị xã (BC);
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Sở Xây dựng (BC);
- Lưu VT.QLĐT(T.Nam-07b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Gia Duẩn